TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày 13- 9 -2024
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha
Các Hội thẩm nhân dân**:**
Bà Lê Thị Hạnh – Cán bộ hưu trí
Bà Bùi Thị Cẩm – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2024/TLST–DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2024/QĐST- DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2024/QĐST- DS ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (H1).

Địa chỉ: B Bis N, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H- Giám đốc trung tâm kiêm Trưởng phòng Xử lý nợ- Trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền lại của bà Huỳnh Nguyễn Bảo H: Bà Phan Thị Ngọc N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: 2 Q, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt)

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2024)

2/ Bị đơn: Ông Lê Hoài S, sinh năm 1999.

Địa chỉ: tổ dân phố K, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1971 và ông Lê T1, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Bà Đặng Thị Mỹ L có mặt. Ông Lê T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

- Ông Huỳnh N1, sinh năm 1966.

Địa chỉ tại: Tổ dân phố K, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP P đã cho ông Lê Hoài S vay 1.180.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 25577/22MB/HĐTD ngày 11 tháng 10 năm 2022 và Hợp đồng tín dụng số 13356/22MB/HĐTD ngày 30/06/2021, giải ngân theo Khế ước đã nhận nợ 2557/22MB/HĐTD/KUNN01 ngày 13/10/2022 và Khế ước nhận nợ số 13356/22MB/HĐTD/KUNN03 ngày 01/06/2022 và Khế ước nhận nợ số 13356/22MB/HĐTD/KUNN02 ngày 28/02/2022. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 25577/22MB/HĐTD ngày 11/10/2022:

- Số tiền vay gốc: 580.000.000 đồng
- Lãi suất cho vay: 10,7%/Năm
- Thời hạn vay: 12 tháng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động mua bán thủy hải sản và chăn nuôi bò

Tính đến ngày 11/9/2024 thì ông Lê Hoài S nợ khoản vay này tổng cộng: 749.135.862 đồng. Trong đó nợ gốc 580.000.000 đồng; lãi trong hạn 59.679.614 đồng; lãi quá hạn 109.457.198 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 13356/22MB/HĐTD ngày 30/06/2021, giải ngân theo Khế ước đã nhận nợ 13356/22MB/HĐTD/KUNN02 ngày 28/02/2022.

- Số tiền vay gốc: 500.000.000 đồng
- Lãi suất cho vay: 8%/Năm
- Thời hạn vay: 11 tháng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động mua bán thủy hải sản và chăn nuôi bò

Tính đến ngày 11/9/2024 thì ông Lê Hoài S nợ khoản vay này tổng cộng: 665.746.381 đồng. Trong đó nợ gốc 499.860.956 đồng; lãi trong hạn 6.280.821 đồng; lãi quá hạn 159.761.540 đồng

- Hợp đồng tín dụng số 13356/22MB/HĐTD ngày 30/6/2021, giải ngân theo Khế ước đã nhận nợ 13356/22MB/HĐTD/KUNN03 ngày 01/6/2022

- Số tiền vay gốc: 100.000.000 đồng
- Lãi suất cho vay: 8,5%/ Năm

- Thời hạn vay: 11 tháng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động mua bán thủy hải sản và chăn nuôi bò
Tính đến ngày 11/9/2024 thì ông Lê Hoài S nợ khoản vay này với tổng cộng: 132.698.494 đồng. Trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng; lãi trong hạn 4.682.468 đồng; lãi quá hạn 28.027.600 đồng.

- Vay thẻ tín dụng Visa, số tiền vay 110.000.000 đồng, theo Đề nghị kiêm Hợp đồng mở thẻ ngày 01/04/2020 và Đề nghị kiêm Hợp đồng mở thẻ ngày 29/06/2021 tính đến ngày 11/9/2024 tổng tổng số tiền 196.963.803 đồng. Trong đó nợ gốc 90.223.840 đồng; nợ lãi 106.739.963 đồng

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là:

Tài sản bảo đảm thứ 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 952965 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 24/02/2017, thuộc sở hữu của bà Đặng Thị L và ông Lê Tượng .

(Tài sản bảo đảm nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7114/22MB/HĐBĐ ngày 22/04/2020 và Phụ lục hợp đồng số 7114/22MB/HĐTD/PL 01 ngày 30/06/2021)

Tài sản bảo đảm thứ 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Xã P, huyện Đ (nay là Phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 294985 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 19/09/2022. Cập nhật chủ sở hữu ngày 05/10/2022, thuộc sở hữu của ông Lê Hoài S.

(Tài sản bảo đảm nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2257/22MB/HĐTĐ ngày 11/10/2022)

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Lê Hoài S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết, cụ thể ông Lê Hoài S sẽ thanh toán nợ gốc và lãi khi đến các kỳ hạn trả nợ, nhưng kể từ kỳ hạn thanh toán vào tháng 30/01/2023 đến nay, ông Lê Hoài S đã không thanh toán các khoản nợ gốc.

Ngân hàng TMCP P1 làm đơn đề nghị Toà án nhân dân thị xã Đức Phổ. tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:
- Buộc ông Lê Hoài S thanh toán toàn bộ khoản vay tính đến tính đến ngày 11/9/2024 là 1.744.544.540 đồng, trong đó:
Tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 25577/22MB/HĐTD ngày 11 tháng 10 năm 2022 và Hợp đồng tín dụng số 13356/22MB/HĐTD ngày 30/06/2021, giải ngân theo Khế ước đã nhận nợ 2557/22MB/HĐTD/KUNN01 ngày

13/10/2022 và Khế ước nhận nợ số 13356/22MB/HĐTD/KUNN03 ngày 01/06/2022 và Khế ước nhận nợ số 13356/22MB/HĐTD/KUNN02 ngày 28/02/2022 là: 1.547.580.737 đồng (Trong đó nợ gốc 1.179.860.956 đồng, lãi trong hạn 70.485.967 đồng, lãi quá hạn 297.233.814 đồng).

Số tiền nợ thẻ tín dụng Visa theo Đề nghị kiêm Hợp đồng mở thẻ ngày 01/04/2020 và Đề nghị kiêm Hợp đồng mở thẻ ngày 29/06/2021 tổng số tiền 196.963.803 đồng. Trong đó nợ gốc 90.223.840 đồng; nợ lãi 106.739.963 đồng

- Buộc ông Lê Hoài S tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ và Đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ Visa đã ký kết với H1 kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi thanh toán xong.

- Trường hợp, ông Lê Hoài S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì H1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp cho H1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7114/22MB/HĐBĐ ngày 22/04/2020 và Phụ lục hợp đồng số 7114/22MB/HĐTD/PL 01 ngày 30/06/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2257/22MB/HĐTD ngày 11/10/2022 để thu hồi nợ vay. Nếu số tiền phát mại tài sản thế chấp nêu trên không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Lê Hoài S tại H1 thì ông Lê Hoài S vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay đề nghị xử lý là:

Tài sản bảo đảm thứ 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 952965 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 24/02/2017, thuộc sở hữu của bà Đặng Thị L và ông Lê Tượng .

Tài sản bảo đảm thứ 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Xã P, huyện Đ (nay là Phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 294985 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 19/09/2022. Cập nhật chủ sở hữu ngày 05/10/2022, thuộc sở hữu của ông Lê Hoài S.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Hoài S: ông Lê Hoài S đã nhận tất cả các thông báo của Tòa án hợp lệ nhưng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Mỹ L trình bày: ông Lê Hoài S là con trai của bà với ông Lê Tượng . Tất cả các khoản tiền mà Lê Hoài S vay của Ngân hàng H1 thì về giao lại cho vợ chồng bà để bổ sung vốn kinh doanh mua bán thủy hải sản. Để đảm bảo các khoản vay thì vợ chồng bà có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 41,

tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 952965 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 24/02/2017, thuộc sở hữu của bà Đặng Thị Mỹ L và ông Lê T1 cho Lê Hoài S vay. Trường hợp ông Lê Hoài S không trả được nợ thì vợ chồng bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 41 tờ bản đồ số 06 phường P để trả nợ.

4/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê T1: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê T1 đã nhận đầy đủ các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày.

5/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh N1 trình bày: Nhà bà Đặng Thị Mỹ L, ông Lê T1 khi xây dựng thì phần mái ngói đỗ (không gian) sử dụng sang thửa đất số 39 của ông là 6,4m^2 và phần máng xối (không gian) sử dụng sang thửa đất số 40 tờ bản đồ số 06 của ông diện tích 1,88m^2. Tuy nhiên khi bà Đặng Thị Mỹ L, ông T1 xây nhà thì ông đồng ý cho vợ chồng bà L xây dựng nên ông không có ý kiến. Trường hợp Tòa án xử lý luôn phần không gian nhà của bà L lấn sang phần đất của ông thì ông vẫn đồng ý.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Về việc tuân theo Pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh N1, bà Đặng Thị Mỹ L thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê T1 chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 20/10/2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần P (H1) có đơn khởi kiện ông Lê Hoài S ở tổ dân phố K, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi về việc yêu cầu trả nợ tiền vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn ông Lê Hoài S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu buộc ông Lê Hoài S thanh toán toàn bộ khoản vay tính đến tính đến ngày 11/9/2024 là 1.744.544.540 đồng và tiếp tục trả lãi suất phát sinh sau ngày xét xử sở thẩm theo các hợp đồng đã ký kết giữa Ngân hàng P (H1) với ông Lê Hoài S.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Để cần vốn cho cha mẹ làm ăn nên ông Lê Hoài S đã ký hợp đồng tín dụng vay của ngân hàng H1 theo Hợp đồng tín dụng số 25577/22MB/HĐTD ngày 11 tháng 10 năm 2022 và Hợp đồng tín dụng số 13356/22MB/HĐTD ngày 30/06/2021, giải ngân theo Khế ước đã nhận nợ 2557/22MB/HĐTD/KUNN01 ngày 13/10/2022 và Khế ước nhận nợ số 13356/22MB/HĐTD/KUNN03 ngày 01/06/2022 và Khế ước nhận nợ số 13356/22MB/HĐTD/KUNN02 ngày 28/02/2022 là: 1.547.580.737 đồng (Trong đó nợ gốc 1.179.860.956 đồng, lãi trong hạn 70.485.967 đồng, lãi quá hạn 297.233.814 đồng).

Ngoài ra ông Lê Hoài S còn nợ tiền thẻ tín dụng Visa theo Đề nghị kiêm Hợp đồng mở thẻ ngày 01/04/2020 và Đề nghị kiêm Hợp đồng mở thẻ ngày 29/06/2021 tổng số tiền 196.963.803 đồng. Trong đó nợ gốc 90.223.840 đồng; nợ lãi 106.739.963 đồng.

Xét thấy khi ký kết các hợp đồng tín dụng các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Lê Hoài S phát sinh hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc ông Lê Hoài S không trả gốc và lãi theo các hợp đồng đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo với ông Lê Hoài S để yêu cầu trả nợ nhưng ông S vẫn không trả.

Vì vậy Ngân hàng Thương mại cổ phần P yêu cầu ông Lê Hoài S thanh toán toàn bộ khoản vay tính đến tính đến ngày 11/9/2024 tổng cộng gốc và lãi là 1.744.544.540 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi thực hiện xong hợp đồng theo mức lãi suất đã ký kết trong hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Lê Hoài S không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ Phần P

Để đảm bảo các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng vay của ngân hàng H1 thì vợ chồng ông Lê T1, bà Đặng Thị Mỹ L và ông Lê Hoài S đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình gồm:

Tài sản bảo đảm thứ 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 952965 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 24/02/2017, thuộc sở hữu của bà Đặng Thị L và ông Lê Tượng .

Tài sản bảo đảm thứ 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Xã P, huyện Đ (nay là Phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 294985 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 19/09/2022. Cập nhật chủ sở hữu ngày 05/10/2022, thuộc sở hữu của ông Lê Hoài S.

(Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7114/22MB/HĐBĐ ngày 22/04/2020 và Phụ Lục hợp đồng số 7114/22MB/HĐTD/PL 01 ngày 30/06/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2257/22MB/HĐTD ngày 11/10/2022 để thu hồi nợ vay)

Xét khi ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản các bên đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp tài sản được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Dân sự về đăng ký bảo đảm. Do đó tất cả các hợp đồng thế chấp đủ điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ xác định thửa đất số 1167 diện tích đo đạc thực tế 156,5m^2. So với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sự chênh lệch giảm (163m^2-156,5m^2) 6,5m^2 là do sai số khi đo đạc cấp giấy. Đối với thửa đất số 41 tờ bản đồ số 06 có nhà và tài sản khác gắn liền với đất. Khi ký kết các hợp đồng thế chấp ông Lê T1, bà Đặng Thị Mỹ L có cam kết những tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, do nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu những tài sản gắn liền trên đất điều thuộc tài sản thế chấp.

Như vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trên trong trường hợp ông Lê Hoài S không trả được nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần P

[4] Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Buộc anh Lê Hoài S phải chịu đối với số tiền là: [36.000.000 đồng + (944.544.540 x 3%)= 64.336.336 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông Lê Hoài S phải trả số tiền chi phí xem xét tại chổ và đo đạt 10.000.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 325, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố P.

Buộc ông Lê Hoài S thanh toán toàn bộ khoản vay tính đến tính đến ngày 11/9/2024 là 1.744.544.540 đồng, trong đó:

Tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 25577/22MB/HĐTD ngày 11 tháng 10 năm 2022 và Hợp đồng tín dụng số 13356/22MB/HĐTD ngày 30/06/2021, giải ngân theo Khế ước đã nhận nợ 2557/22MB/HĐTD/KUNN01 ngày 13/10/2022 và Khế ước nhận nợ số 13356/22MB/HĐTD/KUNN03 ngày 01/06/2022 và Khế ước nhận nợ số 13356/22MB/HĐTD/KUNN02 ngày 28/02/2022 là: 1.547.580.737 đồng (Trong đó nợ gốc 1.179.860.956 đồng, lãi trong hạn 70.485.967 đồng, lãi quá hạn 297.233.814 đồng).

Số tiền nợ thẻ tín dụng Visa theo Đề nghị kiêm Hợp đồng mở thẻ ngày 01/04/2020 và Đề nghị kiêm Hợp đồng mở thẻ ngày 29/06/2021 tổng số tiền 196.963.803 đồng. Trong đó nợ gốc 90.223.840 đồng; nợ lãi 106.739.963 đồng

Buộc ông Lê Hoài S tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ và Đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ Visa đã ký kết với H1 kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi thanh toán xong

Trường hợp, ông Lê Hoài S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì H1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp cho H1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7114/22MB/HĐBĐ ngày 22/04/2020 và Phụ Lục hợp đồng số 7114/22MB/HĐTD/PL 01 ngày 30/06/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2257/22MB/HĐTD ngày 11/10/2022

để thu hồi nợ vay. Nếu số tiền phát mại tài sản thế chấp nêu trên không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Lê Hoài S tại H1 thì ông Lê Hoài S vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay đề nghị xử lý là:

Tài sản bảo đảm thứ 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 952965 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 24/02/2017, thuộc sở hữu của bà Đặng Thị L và ông Lê Tượng .

Tài sản bảo đảm thứ 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 1167, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Xã P, huyện Đ (nay là Phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 294985 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 19/09/2022. Cập nhật chủ sở hữu ngày 05/10/2022, thuộc sở hữu của ông Lê Hoài S.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Lê Hoài S có trách nhiệm tiếp tục thực hiện trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí: Buộc ông Lê Hoài S phải chịu đối với số tiền là: 64.336.336 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P. số tiền tạm ứng án phí là 28.119.907 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001753 ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lê Hoài S phải trả số tiền chi phí xem xét tại chỗ và đo đạc 10.000.000 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Mỹ L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Lê Hoài S, ông Lê T1, ông Huỳnh N1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Minh Kha